TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-ST
Ngày 06-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm.
Ông Đàm Đình Lập.

- Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Hoa, Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Đinh Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị N**, (tên gọi khác: không) sinh ngày 20 tháng 5 năm 1970 tại huyện TO, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Tổ X, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết); Con bà: Lê Thị Ph (đã chết); có chồng Nguyễn Văn C (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 03/01/1997 có hành vi gây rối trật tự công cộng bị Công an thành phố CB, tỉnh Cao Bằng khởi tố, điều tra. Kết quả xác minh tại Tòa án nhân dân thành phố CB, tỉnh Cao Bằng không có hồ sơ vụ việc, vụ án liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng của Phạm Thị N.

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ NLQ 1, sinh năm 1980; trú tại: Tổ 7, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

+ NLQ 2, sinh năm 1980; trú tại: Tổ 24, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/12/2021 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng nhận tố giác về tội phạm của NLQ 1 (sinh năm 1980, trú tại: Tổ 7, phường HG, thành phố CB) về việc Phạm Thị N (sinh năm 1970, trú tại: Tổ X, Phường HG, thành phố CB) có hành vi cho vay lãi nặng. Hồi 10 giờ 30 phút, ngày 03/12/2021 Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng đã tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị N. Qua khám xét thu giữ nhiều tài liệu có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra xác định Phạm Thị N bắt đầu hoạt động cho vay tiền từ năm 2012 với hình thức vay tín chấp, cầm cố đồ vật, tài sản, giấy tờ có giá trị với lãi suất từ 1.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi có khách đến vay tiền N yêu cầu người vay tự viết nội dung vào quyển sổ hoặc viết giấy vay tiền và để lại giấy tờ thế chấp cho N cất giữ, việc trả lãi và gốc được giao dịch chủ yếu qua tài khoản ngân hàng của N.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập xác định được: Ngày 02/7/2019, NLQ 1 vay Phạm Thị N số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương mức lãi suất 183%/năm, tỷ lệ lãi suất gấp 9,13 lần theo quy định) và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Thị K (mẹ đẻ của NLQ 1), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên NLQ 2 (bạn của Hà). Quá trình trả tiền gốc và lãi Hà đều chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Phạm Thị N nhiều lần, đến ngày 26/7/2019 Hà đã trả đầy đủ cả tiền gốc và lãi với tổng số tiền là 2.225.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm hai mươi năm triệu đồng) và nhận lại tờ giấy vay tiền cùng với hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Thị Khôn và NLQ 2. Phạm Thị N đã thu được số tiền lãi là 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi năm triệu đồng), trong đó xác định số tiền lãi theo quy định là 24.660.000 đồng (hai mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền thu lợi bất chính là 200.340.000 đồng (hai trăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngày 07/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 24/CT-VKSCB-P2 truy tố Phạm Thị N về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Phạm Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thị N về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định

truy tố Phạm Thị N về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố Phạm Thị N phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Phạm Thị N từ 250.000.000đ đến 300.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Phạm Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, mặt lưng màu vàng đồng, điện thoại đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng tạm giữ đối với Phạm Thị N do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về số tiền liên quan đến tội phạm:

Đối với khoản tiền dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự: Khoản tiền gốc Phạm Thị N dùng để cho vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 24.660.000 đồng (hai mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), tổng cộng là 2.024.660.000 đồng (hai tỷ hai mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với người vay tiền NLQ 1 đã trả hết tiền gốc và lãi nên buộc Phạm Thị N phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho Hà là 200.340.000 đồng (hai trăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Phạm Thị N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Phạm Thị N hoàn toàn phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và nội dung ghi chép trong các hợp đồng cầm đồ mà cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét chỗ ở của N cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng năm 2012, Phạm Thị N bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng tại thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Ngày 02/7/2019 Phạm Thị N cho NLQ 1 vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/ 1.000.000/ ngày (tương đương mức lãi suất 183%/năm, tỷ lệ lãi suất gấp 9,13 lần theo quy định) và cầm cố hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Thị Khôn và NLQ 2 (Hà đã được nhận lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên). Đến ngày 26/7/2019, Hà đã trả đầy đủ cả tiền gốc và lãi là 2.225.000.000 đồng, trong đó xác định được N thu lợi bất chính số tiền 200.340.000 đồng (hai trăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phạm Thị N đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân. Lợi dụng nhu cầu vay tiền để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến đời sống của những người vay tiền, nhưng những người này lại không có đủ điều kiện vay tiền của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng của Nhà nước, để cho vay với mức lãi suất vượt gấp nhiều lần quy định, thu lợi bất chính số tiền lớn. Hành vi cho vay lãi nặng hiện nay không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà hành vi này còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, đã đưa nhiều hộ gia đình lâm vào cảnh tan gia bại sản hoặc là nạn nhân trong các vụ án cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản; bắt, giữ người trái pháp luật, cố ý gây thương tích, v.v... Gây mất trật tự trị an ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Phạm Thị N có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi đó của bị cáo Phạm Thị N đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân nên bị cáo được hưởng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thu nhập ổn định. Do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và giáo dục.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp kinh doanh cầm đồ cũng chỉ để mưu sinh nuôi bản thân và gia đình nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, cấm làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền liên quan đến tội phạm:

+ Áp dụng Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng để cho vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và khoản tiền lãi cho phép theo quy định là 24.660.000 đồng (hai mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Áp dụng Điều 9 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Công văn hướng dẫn số: 212/TANDTC-PC, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho người vay tiền là NLQ 1 với số tiền là 200.340.000 đồng (hai trăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đối với vật chứng bị tạm giữ: Trả lại cho Phạm Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, mặt lưng màu vàng đồng, điện thoại đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng tạm giữ đối với Phạm Thị N do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng còn xác định được sau khi NLQ 1 trả xong khoản nợ 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) vào ngày 26/7/2019 thì đến ngày 30/7/2019 Hà tiếp tục vay Phạm Thị N số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên NLQ 2. Đối với khoản nợ này đến ngày 17/01/2020, Hà đã

trả đủ tiền gốc và lãi là 1.035.000.000 đồng (một tỷ không trăm ba mươi năm triệu đồng). Quá trình Hà trả nợ diễn ra nhiều lần, số tiền khác nhau không rõ ràng với thời gian dài. Do đó không đủ căn cứ để xác định chính xác tỷ lệ lãi suất và số tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, không xem xét xử lý là có căn cứ.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng còn phát hiện một số giao dịch cho vay khác nhưng lãi suất cho vay thấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật Dân sự, một số giao dịch không xác định được cụ thể số tiền đã trả, thời gian trả tiền lãi, tiền gốc nên không có cơ sở để tính toán số tiền lãi và tiền thu lợi bất chính. Do đó không đủ căn cứ để xem xét xử lý trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị N** phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Thị N số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Điều 9 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

2.1. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền Phạm Thị N dùng để cho vay và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.024.660.000 đồng (hai tỷ hai mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.2. Buộc Phạm Thị N trả lại khoản tiền thu lợi bất chính phần tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ 1 với số tiền là 200.340.000 đồng (hai trăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.3. Đối với vật chứng đang bị tạm giữ:

Trả lại cho Phạm Thị N "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, mặt lưng màu vàng đồng, điện thoại đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng tạm giữ đối với Phạm Thị N" được niêm phong trong phong bì theo quy định do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Phạm Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Thị N có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Khánh